

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 7 - 2025

V/v tranh chấp "ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phụng.

2. Ông Võ Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Liễu, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 352/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp "ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 352/2024/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Kim H, sinh năm 19 địa chỉ: Số H, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; Nay, là xã L, tỉnh An Giang, (có đơn xin vắng mặt);

- Bị đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 198 địa chỉ: Số H, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; Nay, là xã L, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà Đặng Thị Kim H trình bày: Về quan hệ hôn nhân bà và ông Phan Văn T do quen biết, tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang; Nay, là xã L, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau; cả hai đã cố gắng hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không được và không còn sống chung từ tháng năm 2017 cho đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng; nên bà H xin ly hôn với ông Phan Văn T.

- *Về quan hệ con chung*: Không có.
- *Về quan hệ tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.
- *Về quan hệ nợ chung*: Bà H trình bày không có nợ chung.

Bị đơn ông Phan Văn T, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Kim H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Kim H đối với ông Phan Văn T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đặng Thị Kim H được ly hôn với ông Phan Văn T.

- *Về quan hệ con chung*: Không có.
- *Về quan hệ tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về quan hệ nợ chung*: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Đặng Thị Kim H, (có đơn xin vắng mặt); bị đơn ông Phan Văn T đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng hôm nay ông T vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông T là có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Bà Đặng Thị Kim H khởi kiện vụ án tranh chấp về ly hôn với ông Phan Văn T. Ông T có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới tỉnh An Giang; thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền.

[2] *Về nội dung vụ án*: Bà Đặng Thị Kim H và ông Phan Văn T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào năm 2013; ông, bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; nên hôn của ông bà là hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo bà H trình bày mâu thuẫn phát sinh từ việc vợ chồng không tôn trọng nhau, tính tình không hợp, trong thời gian chung sống thường xảy ra bất hòa, cả hai đã cố gắng tìm cách hàn gắn vẫn không thể nào chung sống với nhau và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy bà Đặng Thị Kim H xin ly hôn, do cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung đến nay là một khoảng thời gian dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị Kim H.

- *Về quan hệ con chung*: Không có.
- *Về quan hệ tài sản chung*: Bà Đặng Thị Kim H khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xét đến.
- *Về quan hệ nợ chung*: Ghi nhận bà H trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà H và ông T trong thời kỳ hôn nhân thì bà H và ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] *Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.
- Các Điều 28, 35, 146, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Kim H.
- 2) *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đặng Thị Kim H được ly hôn với ông Phan Văn T.
- 3) *Về quan hệ con chung*: Không có.
- 4) *Về quan hệ tài sản chung*: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.
- 5) *Về quan hệ nợ chung*: Ghi nhận bà H trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà H và ông T trong thời kỳ hôn nhân thì bà H và ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.
- 6) *Về án phí*: Bà Đặng Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã

nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số: 0024453 ngày 14//2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà Đặng Thị Kim H đã nộp đủ.

Ông Phan Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

7) *Về quyền kháng cáo:* Bà Đặng Thị Kim H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Phan Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 11-An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 11-An Giang;
- UBND xã Long Điền, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Thanh